

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 711/2023/HS-PT

Ngày 22/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Đoàn Văn Vâng, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 227/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Phạm Văn H, sinh năm 1974, tại tỉnh Bình Định; Hộ khẩu thường trú: 3 Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức; Con ông Phạm Đình L, sinh năm 1939 và bà Trương Thị Kim L1, sinh năm 1947; vợ là Hoàng Đỗ Minh T và có 01 con, sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam ngày 04/7/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Tấn T1, Văn phòng L2, Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại không kháng cáo: Bà Phạm Ngọc Anh T2, sinh năm: 1971; Hộ khẩu thường trú: 1 N, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại địa chỉ: B L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Phạm Văn H và bà Phạm Ngọc Anh T2 là bạn bè quen biết, H nói với chị T2 đang công tác tại Thanh tra Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh quen biết với nhiều cán bộ tại quận C và các Sở, B, Ngành tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 8/2019, H cho chị T2 biết Công an quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đang có chủ trương cho thuê một phần diện tích thuộc khuôn viên trụ sở Công an C, để đặt bảng quảng cáo ngoài trời và H hứa hẹn giúp chị T2 đặt được bảng quảng cáo tại khuôn viên trụ sở Công an quận C với giá 68.000 đô la Mỹ (USD) chị T2 đồng ý.

Tin lời H, khoảng 18 giờ, ngày 25/9/2019, chị T2 đi cùng anh Dương H1 (là bạn của chị T2) đến Nhà hàng H2, địa chỉ số C N, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp H. Tại đây, H đã đưa “Hợp đồng tư vấn” đề ngày 24/9/2019 cho chị T2 xem và ký trực tiếp với H nội dung thực hiện dịch vụ pháp lý hoàn thành việc bổ sung bảng quảng cáo thương mại vào quy hoạch địa điểm quảng cáo trên địa bàn Quận C, xin giấy phép xây dựng bảng quảng cáo, làm việc với bên cho thuê đất, xin cấp phép nội dung quảng cáo, anh H1 ký xác nhận vào hợp đồng là người làm chứng, sau khi ký hợp đồng chị T2 đã thanh toán cho H 50.000 USD. Đến tối cùng ngày, chị T2 nhắn tin qua ứng dụng V yêu cầu H viết giấy xác nhận đã nhận 50.000 USD của chị T2, nên ngày 26/9/2019, H đã viết giấy nhận tiền, chụp hình rồi gửi hình ảnh giấy nhận tiền cho chị T2 qua ứng dụng Viber.

Sau khi nhận tiền, thì H tránh mặt chị T2, nhiều lần gọi điện thoại liên lạc không được, nên chị T2 tìm đến nơi ở và nơi làm việc của H nhưng không gặp. Qua tìm hiểu, chị T2 biết Công an C, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có chủ trương cho thuê địa điểm để đặt bảng quảng cáo. Sau đó, H gọi điện nhắn tin đe dọa gia đình chị T2, nên chị T2 làm đơn tố cáo H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Tại Kết luận giám định số 332/KLGD-TT ngày 05/3/2020 và số 874/-TT ngày 15/5/2020 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận:

Chữ ký đứng tên “Phạm Văn H” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Phạm Văn H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra”.

Dữ liệu trích xuất thu được trong điện thoại di động cần giám định (đã nêu tại mục II.1) gồm: 02 hình ảnh của ứng dụng Viber thể hiện tài khoản “Anh thư”, số điện thoại +84918121971 và tài khoản “Hieu pham”, số điện thoại +84937001178; 17 tin nhắn cuộc trò chuyện giữa tài khoản “Anh thư” và tài khoản “Hieu pham” vào ngày 25/9/2019 và ngày 26/9/2019 (có phụ lục kèm theo) thể hiện việc H viết “Giấy nhận tiền” xác nhận của bà T2 số tiền 50.000 USD để thực hiện hợp đồng.

Tại kết luận giám định số 1728/KLGD-TT ngày 18/9/2020 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận:

Chữ ký, chữ viết họ tên Phạm Văn H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II. 1) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn H trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh là của cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 2390/KL-KTHS ngày 22/6/2022 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận:

Tìm thấy 307 (ba trăm lẻ bảy) tin nhắn trong cuộc trò chuyện qua ứng dụng Viber giữa tài khoản “Anh Thư” - số điện thoại 0918121971 với tài khoản “Hieu phạm” - số điện thoại 0937001178 được lưu giữ trên điện thoại cần giám định ký hiệu A (01 điện thoại di động hiệu Iphone, đã được niêm phong, có số imei là 356701081357298). Dữ liệu tìm thấy được trích xuất (chỉ trích được tin nhắn dưới dạng văn bản) lưu trong thiết bị lưu giữ gửi đính kèm.

Trong cuộc trò chuyện tại tin nhắn của tài khoản “Hieu phạm” số điện thoại 0937001178, số thứ tự 184 (Bút lục 524) ghi nhận “Dạ! Thư chuẩn bị mọi thứ. Em nghỉ nên tiến hành sớm. nếu em soạn hợp đồng tư vấn thì cho em xin tên công ty. Máy xếp nhận USD nhá chị. Nên T2 chuẩn bị giúp. Chỗ nào quen có Đ mới thì rất tốt. Vowk xếp thích mùi thơm của USD. Hihi

Trong cuộc trò chuyện tại tin nhắn của tài khoản “Hieu phạm” - số điện thoại 0937001178, số thứ tự 233 (Bút lục 529) ghi nhận “Em đọc rồi! Đợt 1 chốt 55.000 đi chị. Nhiều tầng nấc lắm. Sếp rồi lính nữa chứ ko phải xếp chơi đâu nhé. Hihi.

Trong cuộc trò chuyện tại tin nhắn của tài khoản “Anh Thư” - số điện thoại 0918121971, số thứ tự 256 (Bút lục 531) ghi nhận “H về chưa? Mai H viết t giấy nhận tiền đợt 1 nha, khi nào gặp đưa sau, chụp gửi viber trước dc r”.

Trong cuộc trò chuyện tại tin nhắn “Hieu phạm”- số điện thoại 0937001178, số thứ tự 257 - 259 (Bút lục 531) ghi nhận “mai em viết cho”, “Dạ”, “Lúc đó quên ghi phía sau hợp đồng đã nhận đợt 1”; Trong cuộc trò chuyện tại tin nhắn “Hieu phạm”- số điện thoại 0937001178, số thứ tự 289 (Bút lục 534) ghi nhận “Em đang cần sự trả lời của nhà thầu thi công bên trụ sở công an quận”.

Theo Công văn số 173UBND-VX ngày 27/5/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, Văn bản số 1822/SVHTT-XDNSVHGD ngày 12/5/2022 của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố H thì có các nội dung sau:

Theo quy định của Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố H là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Sở V đang chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành chức năng và địa phương xây dựng quy hoạch

quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

Trong giai đoạn 2019 - 2020, Ủy ban nhân dân Thành phố chưa phê duyệt quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố. Vị trí số B đường C, phường D, quận C (góc Ngã Sáu D) không có trong đề xuất của Ủy ban nhân dân quận C1 đưa vào quy hoạch quảng cáo của Thành phố. Việc cấp giấy phép xây dựng trụ, bảng quảng cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch vị trí quảng cáo. Sở Văn hóa và Thể thao là đơn vị nhận hồ sơ và trả lời thông báo sản phẩm quảng cáo trước khi đơn vị tiến hành quảng cáo.

Đến ngày 04/7/2020, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, H khai nhận có viết giấy nhận tiền với nội dung H xác nhận đã nhận đủ của chị T2 50.000 USD, sau đó dùng điện thoại chụp lại, gửi qua Viber cho chị T2 nhưng không chiếm đoạt tiền của chị T2.

Vật chứng thu giữ: Bao gồm là các tài liệu thu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T2 yêu cầu bị cáo Phạm Văn H bồi thường 50.000 USD, H chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 286/CT-VKS-P2 ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: Truy tố Trương Văn K và Tăng T3 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 14 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/7/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về

án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm bồi thường dân sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 02/3/2023, bị cáo Phạm Văn H làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bị cáo xin được xem xét lại giảm án cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo H xác định có làm đơn kháng cáo xin được xem xét giảm án. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo và Luật sư cũng trình bày cho bị cáo về việc thay đổi việc kháng cáo nêu trên xác định rằng, bị cáo không có gian dối trong việc ký hợp đồng, đây là hợp đồng dịch vụ dân sự nên bị cáo không phạm tội.

Hợp đồng tư vấn mà bị cáo ký là hợp pháp về mặt nội dung, và hình thức, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị cáo nhận số tiền 50.000USD của bà T2. Bị cáo có địa chỉ rõ ràng. Cơ quan điều tra đã cố tình không ghi những địa chỉ đó, từ đó đã truy nã bị cáo không hợp lệ. Quyết định phân công điều tra của thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra không đúng với quy định của pháp luật. Bản chính giấy nộp tiền của bị cáo nộp vào tháng 5/2020 nhưng cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án trước khi bị cáo nộp đối với tài liệu này. Vì vậy, luật sư và bị cáo H đề nghị xem xét lại đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xem xét lại toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng, bị cáo đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn nhưng việc thực hiện giao dịch theo hợp đồng là không có thật, hợp đồng có ghi giá trị thanh toán và những dữ liệu thông tin thì bị cáo xác nhận có nhận tiền của bà T2. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo có hành vi lừa đảo là đúng với quy định pháp luật. Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo thì thấy:*

[2.1] Do có mối quan quan hệ quen biết với chị T2, dù bị cáo H không có khả năng thực hiện các dịch vụ quảng cáo tại trụ sở Công an quận C, nhưng bị cáo đã thông tin là quen biết nhiều cơ quan để xem xét quy hoạch về quảng cáo, như Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Văn hóa Thể thao, Công an quận C để xin phép phê duyệt quy hoạch và chủ trương quy hoạch để thực hiện việc cấp phép quảng cáo tại trụ sở Công an quận 3 cho chị T2.

Để cho chị T2 tin tưởng bị cáo đã lập hợp đồng tư vấn vào ngày 24/9/2019, mục đích của hợp đồng là bị cáo thực hiện một số dịch vụ, trong đó có việc xin để cấp giấy phép cho chị T2.

Ngày 26/9/2019, bị cáo đã viết giấy nhận tiền với nội dung xác nhận đã nhận đủ số tiền do chị T2 giao là 50.000USD rồi dùng điện thoại chụp lại gửi qua Viber

cho chị T2. Sau đó, thì chị T2 tìm H để xử lý công việc nhưng H tránh mặt không gặp chị T2. Chị T2 có yêu cầu H đưa giấy nhận tiền thì H nói để quên và sẽ đưa sau, nhưng sau đó nhiều lần chị T2 gọi điện thì không liên lạc được với H.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Phạm Văn H thì thấy:

[2.1] Hợp đồng ngày 24/9/2019 có ghi tiêu đề là hợp đồng tư vấn, tuy nhiên, nội dung lại là những thỏa thuận mang tính chất tư vấn pháp lý và thực hiện dịch vụ về việc xin cấp phép liên quan đến quảng cáo.

Thực tế tại thời điểm ký hợp đồng thì các cơ quan chức năng không có chủ trương quy hoạch cho phép việc quảng cáo nêu trên và đến tại thời điểm hiện nay thì trụ sở Ủy ban nhân dân quận C1 cũng không được phép thực hiện quảng cáo như hợp đồng mà bị cáo đã thỏa thuận.

[2.2] Bản thân bị cáo là công chức nhà nước, bị cáo là thanh tra viên đang công tác tại Thanh tra quận C, là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận C1 liên quan đến quản lý hành chính nhà nước thuộc nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quảng cáo, văn hóa xã hội v.v.. Theo Điều 18, Điều 19, Điều 20 của Văn bản hợp nhất số 25/2019/VBHN – VPQH của Quốc hội, quy định hướng dẫn về áp dụng Luật Cán bộ, công chức, trong đó cán bộ, công chức không được phép tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về những công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý mà mình đang công tác.

[2.3] Tại văn bản số 1731 ngày 27/5/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, Văn bản 1822 ngày 22/5/2022 của Sở Văn hóa , Thể thao Thành phố H và Biên bản xác minh của Công an phường D1, quận C thì khuôn viên đất mà bị cáo hợp đồng có số B C, phường D, quận C là trụ sở hành chính của Công an quận C, các cơ quan chức năng xác định không có chủ trương phê duyệt cũng như chưa được cấp giấy phép về quảng cáo đối với địa chỉ trên.

Dù biết những nội dung tư vấn và dịch vụ theo hợp đồng nêu trên là không thể thực hiện được, nhưng bị cáo vẫn nhận tiền và làm giấy xác nhận với nội dung là đã nhận đủ 50.000USD của chị T2.

Theo bản ghi lời khai, ngày 04/7/2020, có nội dung: *Tôi H tự viết giấy nhận tiền ngày 26/9/2019 sử dụng điện thoại chụp hình, sau đó sử dụng tài khoản Viber có tên là Hiếu P, số điện thoại 0937700178 cho tài khoản Anh T2 điện thoại 0918121971 của bà T2, nội dung tôi xác nhận là đã nhận đủ 50.000USD cho bà T2 theo hợp đồng đã ký vào ngày 25/9/2019.*

Theo Giấy nhận tiền ngày 25/9/2019 H kí nhận có ghi nội dung: *Hôm nay tôi làm giấy xác nhận này đã nhận đủ số tiền 50.000USD là tiền thanh toán đợt 1 của hợp đồng giữa tôi với bà T2 theo hợp đồng tư vấn dịch vụ ngày 25/9/2019.*

[2.4] Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai, bị cáo còn thừa nhận có nhắn tin đe dọa chửi bới bà T2 qua số điện thoại 0913622901 và số điện thoại 0973700178 và qua tài khoản Viber với nội dung: *Lý do tôi nhắn tin như trên là do bà T2 trình báo lên Ủy ban nhân dân quận C1 về việc tôi ký hợp đồng tư vấn nhận 50.000USD dẫn đến ngày 3/12/2019, tôi đã viết đơn xin nghỉ việc, nên tôi tức giận căm ghét bà T2.* Ở phần ký tên bị cáo có ghi: *Tôi đã đọc và đồng ý ký tên lời trình bày nêu trên và cam kết đúng sự thật.*

Qua Kết luận giám định số 2390 ngày 22/6/2022 của Phòng K1 Công an Thành phố H, thể hiện những tin nhắn nêu trên của bị cáo từ tài khoản “Hiếu P” và tài khoản “Anh Thư” là đúng sự thật.

[2.5] Như vậy, việc bị cáo không đủ điều kiện để ký và thực hiện hợp đồng và có nhận tiền của bà T2 là có thật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, bị cáo nại ra không có việc nhận tiền là không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Sau khi bà T2 tìm bị cáo không được, bà đã làm đơn tố cáo. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đến ngày 05/5/2020, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án hình sự về vụ việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 18/6/2020, Cơ quan điều tra khởi tố bị can Phạm Văn H và ra lệnh bắt tạm giam. Ngày 22/6/2020, Viện kiểm sát phê chuẩn khởi tố và phê chuẩn lệnh bắt theo hộ khẩu thường trú của bị cáo có địa chỉ tại 3 Đ, B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản xác minh ngày 10/02/2020 Công an phường B thì Phạm Văn H đăng ký HKTT tại địa chỉ nêu trên, nhưng từ năm 2010 bỏ đi đâu không rõ, không còn ở địa phương.

Sau đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh các địa chỉ khác, trong đó xác minh tại địa chỉ số G T, phường A, quận A, bà Nguyễn Thị Kim D là chủ nhà cho biết, bà có cho H thuê căn hộ 12.08B ở chung cư R nêu trên từ năm 2019 đến năm 2021, khi cho thuê bà có đề nghị H cung cấp các thông tin để trình báo cho chính quyền địa phương, nhưng H cho biết, bản thân H là cán bộ nhà nước, để bảo đảm bí mật đời tư, H sẽ tự liên lạc với công an phường. Theo biên bản xác minh tại Công an phường D1, quận A, xác định H không có đăng ký tạm trú tại căn hộ nêu trên.

Do không tìm được H thông qua xác minh tại những nơi cư trú của bị cáo H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát lệnh truy nã vào ngày 26/6/2020, đến ngày 04/7/2020, H đã đến cơ quan điều tra đầu thú.

Tại Biên bản đầu thú ngày 04/7/2020, bị cáo H khai: *Tôi đến Phòng K1 Công an Thành phố H vì biết có lệnh truy nã số 922/60 ngày 26/6/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra.*

Từ những diễn biến nêu trên, có cơ sở xác định các trình tự, thủ tục do Cơ quan điều tra thực hiện là hợp pháp.

[2.7] Cáo trạng truy tố bị cáo lần thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để thu thập thêm một số chứng cứ liên quan. Cơ quan điều tra đã tiếp tục thực hiện điều tra bổ sung, sau đó đã có kết quả điều tra bổ sung bằng văn bản theo luật định, Viện kiểm sát nhân dân Tp . HCM ban hành Cáo trạng lần hai, cũng vẫn truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là đúng với các trình tự, thủ tục tố tụng theo pháp luật quy định. Do vậy, lời nại ra của bị cáo và luật sư của báo bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã không thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục là không có cơ sở chấp nhận.

[2.8] Ngoài những lời nại nêu trên, bị cáo H cũng không đưa ra được những tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Do không chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] *Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.*

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355 Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/7/2020.

2/ Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo H chịu số tiền 200.000đồng.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- VKSND Tp.HCM.
- TAND Tp.HCM.
- Công an Tp . HCM.
- Trại TG Công an Tp . HCM.
- Cục THADS Tp.HCM
- Những người tham gia tố tụng.
- Sở Tư pháp Tp.HCM.
- Lưu VP; HS vụ án, TK: NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN